TOÀ ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BÀ RỊA
TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 52 /2017/HNGĐ – ST
Ngày: 26/12/2017
V/v "Không công nhận quan hệ vợ chồng"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA V NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BÀ RỊA, TỈNH BÀ RỊA – VŨNG TÀU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm, gồm có :
Thẩm phán – Chủ tọa phiên toà: Bà Văn Thị Hiền
Các Hội thẩm nhân dân: 1. Bà Hoàng Thị Tuyết
2. Ông Đặng Văn Đê

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vương Thị Thùy Trang– Thư ký Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Ngọc Cang- Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2017, tại trụ sở Toà án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu xét xử công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 348/2017/TLST- HNGĐ ngày 12-10-2017 về tranh chấp "Không công nhận quan hệ vợ chồng" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 63/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 08 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

+ Nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy T, sinh năm 1974;
Địa chỉ: Tổ A, ấp E, xã L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

+ Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1969;
HKTT: Tổ A, ấp E, xã L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.
Ông T hiện đang chấp hành án tại trại giam B (Ông T có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 03-10-2017, các lời khai tại Tòa và trong quá trình xét xử, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thùy T trình bày:

Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, nhưng chính thức được hai bên gia đình đồng ý từ năm 1993, do cả hai đều lo làm ăn kiếm sống và không hiểu biết pháp luật nên không đăng ký kết hôn theo quy định

Sau khi kết hôn, vợ chồng sinh sống tại xã L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

Quá trình sống chung, vợ chồng ông bà chỉ thực sự hạnh phúc được một thời gian đầu thì nảy sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng có nhiều điểm khác biệt trong cách sống và quan điểm sống, không tâm đầu ý hợp, tính cách vợ chồng không hợp nhau, dẫn đến bất hòa, không ai chia sẻ, quan tâm đến nhau, ông T thường xuyên nghiện ngập ma túy, khi bà không có tiền để đưa cho ông sử dụng ma túy thì ông hành hạ và đánh đập bà. Bà đã góp ý nhiều lần nhưng ông T không thay đổi. Hiện nay ông T đang chấp hành án tại trại giam B. Bà và ông T đã tự sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay bà T nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt, bà T yêu cầu Tòa án giải quyết xét không công nhận quan hện vợ chồng để ông bà chấm dứt tình trạng hôn nhân này.

- Về con chung: Bà T xác nhận bà và ông T có 02 con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 18/09/1990 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/1995. Cả hai đều đã trưởng thành nên bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung : Bà T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản khai và đơn xin xét xử vắng mặt ngày 21/11/2017, bị đơn ông Nguyễn Văn T trình bày:

Ông Nguyễn Văn T cũng thống nhất lời khai của bà T về tình trạng hôn nhân và con chung, ông T cũng thừa nhận hai vợ chồng đều lo làm ăn sinh sống nên ông bà không đăng ký kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống, ông bà không thể hòa hợp được với nhau, mâu thuẫn về quan điểm sống nên ông bà đã không còn tình cảm với nhau nữa,ông bà đã sống ly thân từ năm 2013 đến nay. Nay theo trước yêu cầu ly hôn của bà T thì ông đồng ý. Hiện nay ông đang chấp hành án tại trại giam B nên không thể có mặt tại phiên tòa và ông đề nghị Tòa an xét xử vắng mặt ông.

Về con chung: Ông xác nhận ông và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 18/09/1990 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/1995. Cả hai đều đã trưởng thành nên ông cũng thống nhất với ý kiến của bà T là không yêu cầu Tòa an giải quyết

- Về tài sản chung và nợ chung: Ông xác nhận không có

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bà Rịa kiểm sát việc tuân theo pháp luật trong tố tụng dân sự có ý kiến như sau:

-Về tố tụng**:** Kiểm sát viên kiểm sát việc tuân theo pháp luật tại phiên tòa phát biểu ý kiến: Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, thư ký Tòa án và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng và đủ quyền, nghĩa vụ của mình theo Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thẩm quyền và thời hạn giải quyết: đã tuân thủ đúng theo quy định.

-Về nội dung:

+ Về quan hệ hôn nhân: Đề nghị Hội đồng xét xử không công nhận bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà T

+ Về con chung: Ông T và bà T có 02 con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 18/09/1990 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/1995. Cả hai đều đã trưởng thành nên đề nghị không xem xét

+ Về tài sản chung và nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

-Về thủ tục tố tụng:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn Thị Thùy T có đơn yêu cầu không công nhận bà và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng. Ông T có đăng ký hộ khẩu thường trú tại tổ 2, ấp E, xã L, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu nên căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a, khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thì xác định đây là vụ án tranh chấp về Hôn nhân và gi đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa – Vũng Tàu.

-Về nội dung:

[2] **Về quan hệ hôn nhân:** Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Văn T tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1990, do bận mưu sinh và không hiểu biết pháp luật nên ông bà đã không đăng ký kết hôn theo quy định pháp luật, vì vậy không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng nên không xác lập quan hệ hôn nhân.

Trong quá trình chung sống giữa ông bà có quá nhiều bất đồng về quan điểm sống, không tâm đầu ý hợp dẫn đến bất hòa. Nguyên nhân là do ông T nghiện ngập ma túy, không quan tâm chăm sóc gia đình, gây ảnh hưởng đến con cái, hiện ông T đang chấp hành án phạt 08 năm tù vì tội mua bán trái phép chất ma túy tại trại giam B từ năm 2013. Ông bà đã không còn duy trì cuộc sống chung từ năm 2013 cho đến nay. Từ đó Hội đồng xét xử cũng đã vận động bà suy nghĩ lại cho ông T thêm cơ hội để vợ chồng chung sống đoàn tụ nhưng bà T không đồng ý vì bà cho rằng mâu thuẫn giữa vợ chồng bà đã thật sự trầm trọng. Xét thấy quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông T đủ điều kiện kết hôn theo Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình nhưng bà T vẫn không đồng ý đoàn tụ và vẫn cương quyết yêu cầu Tòa án giải quyết không công nhận quan hệ vợ chồng giữa bà và ông T nên Hội đồng xét xử xét thấy cần chấp nhận yêu cầu của T về việc không công nhận bà và ông T là vợ chồng.

[3] Về con chung: Bà T và ông T đều xác nhận có hai con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 18/09/1990 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/1995. Cả hai đều đã trưởng thành nên hội đồng xét xử không xem xét.

[4] **Về tài sản chung và nợ chung:** Ông T, bà T đều xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên hội đồng xét xử không xem xét.

[5] **Về án phí:** Bà Nguyễn Thị Thùy T phải nộp án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Khoản 8 điều 28 và điểm a khoản 1 điều 35, Điều 36, Điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 227, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 ;

- Khoản 1 Điều 14 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

- Điều 5, điều 27 Pháp lệnh án phí, lệ phí Tòa án; Điều 26 Nghị Quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Thùy T

1.Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Văn T là vợ chồng

2.Về con chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Văn T có hai con chung là Nguyễn Thanh V, sinh ngày 18/09/1990 và Nguyễn Minh T, sinh ngày 24/6/1995. Cả hai đều đã trưởng thành nên bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3.Về tài sản chung và nợ chung: Bà Nguyễn Thị Thùy T và ông Nguyễn Văn T xác nhận không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết

4.Về án phí hôn nhân gia đình: Bà Nguyễn Thị Thùy T phải nộp 300.000đ (Ba trăm ngàn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí bà T đã nộp theo biên lai thu tiền số 0008645 ngày 12/10/2017 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bà Rịa. Như vậy bà T đã nộp xong án phí hôn nhân gia đình.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt có quyền kháng cáo bản án để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bà Rịa-Vũng Tàu xét xử theo thủ tục phúc thẩm. Đối với đương sự vắng mặt thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận bản sao bản án hoặc bản sao bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
-Các đương sự;
-TAND tỉnh BR-VT;
-VKSND thành phố Bà Rịa;
-Chi cục THA DS thành phố Bà Rịa**;**
-Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)
Văn Thị Hiền